TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS – ST
Ngày: 25 – 4 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân;

2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLST – DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST – DS ngày 25 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Danh M, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 31 đường Trần Bình Trọng, khóm Đông An 6, phường Mỹ X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 34/A2 đường Sư Vạn Hạnh, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, bản tự khai cũng như tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Danh M trình bày:*

Do chỗ quen biết, vào ngày 07/08/2015 ông Trần Danh M có cho ông Nguyễn Tấn V vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); mục đích làm vốn làm ăn; thời hạn vay 01 năm tính từ 07/08/2015 – 07/08/2016; lãi suất 1%/tháng khi vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 07/8/2015 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang. Trong hợp đồng có thỏa thuận việc ông V giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V số H02111; thửa số 661; tờ bản đồ số 7; với diện tích 140m^2; do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp ngày 21/10/2005 (xác nhận ngày 30/7/2015 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn V của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra ông M còn cho ông V vay tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 09/10/2015 vay 93.900.000 đ (chín mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng)

- Ngày 30/10/2015 vay 71.000.000 đ (bảy mươi mốt triệu)

- Ngày 07/11/2015 vay 42.000.000 đ (bốn mươi hai triệu đồng)

- Ngày 28/11/2015 vay 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng)

- Ngày 01/12/2015 vay 160.000.000 đ (một trăm sáu mươi triệu đồng)

- Ngày 09/01/2016 vay 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng)

Tổng cộng là 1.036.900.000đ, tất cả các lần vay này ông Vđều có ký tên vào biên nhận nợ; lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Sau khi vay ông V có đóng lãi 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và nợ số tiền vốn nêu trên cho đến nay, mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau đó ông V bỏ địa phương đi, ông có tìm kiếm ông V nhưng không biết ông V đi đâu nên ông có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thông báo tiềm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông V và được Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết bằng Quyết định số 01/2018/QĐST-DS ngày 04/01/2018 để thông báo cho ông V biết mà về giải quyết việc vay mượn nợ với ông nhưng đến nay đã quá thời hạn theo quy mà ông V vẫn không về nên ông khởi kiện ông V ra Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên yêu cầu ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.036.900.000đ và không yêu cầu tính lãi. Trong biên nhận ngày 07/10/2015 vay số tiền 93.900.000đ có ông V, bà L là vợ ông V ký tên

cùng với tờ thỏa thuận của bà Lan ngày 07/8/2015 đồng ý liên đới với ông V trả cho ông M số tiền 600.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 07/8/2015. Ông M xác định chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông Nguyễn Tấn V có trách nhiệm trả nợ cho ông và không yêu cầu bà L liên đới cùng với ông V trả nợ. Đối với số tiền lãi 15.000.000đ mà ông đã nhận trước đây ông không đồng ý khấu trừ, vì ông chỉ yêu cầu ông V trả vốn mà không tính lãi đối với các khoản vay mà ông V hiện còn nợ của ông.

Ông Nguyễn Tấn V không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh M và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Danh M xác định lại yêu cầu khởi kiện: Trước đây ông yêu cầu ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.036.900.000đ. Nhưng tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu ông V trả cho ông số tiền 1.036.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi 15.000.000đ mà ông đã nhận trước đây ông không đồng ý khấu trừ vì ông chỉ yêu cầu ông V trả vốn mà không tính lãi là có lợi cho ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Trần Danh M và ông Nguyễn Tấn V là tranh chấp về hợp đồng dân sự Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho V theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự 2005 giải quyết vụ án.

[4] ***Về nội dung tranh chấp:***

Do chỗ quyen biết nên ông M có cho ông V vay nhiều lần tiền cụ thể: Ngày 7/8/2015 vay 600.000.000đ; ngày 09/10/2015 vay 93.900.000đ; ngày 30/10/2015 vay 71.000.000 đ; ngày 07/11/2015 vay 42.000.000 đ; ngày 28/11/2015 vay 50.000.000 đ; ngày 01/12/2015 vay 160.000.000 đ; ngày 09/01/2016 vay 20.000.000 đ. Tông cộng các lần vay thì ông V nợ ông M số tiền 1.036.900.000đ, các lần vay lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng và ông V chỉ đóng lãi được 15.000.000đ của các khoản vay trên. Sau đó ông V bỏ địa phương đi và ông có thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú để ông V về giải quyết việc vay tiền giữa ông với ông V nhưng ông V vẫn không về nên ông khởi kiện yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền đã vay là 1.036.900.000đ tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu ông V trả cho ông số tiền 1.036.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, giữa ông M và ông V đã xác lập giao dịch dân sự vay tài sản thể hiện qua: Hợp đồng vay tiền ngày 07/8/2015; các biên nhận nợ ngày 09/10/2015; ngày 30/10/2015; ngày 07/11/2015; ngày 28/11/2015; ngày 01/12/2015 và ngày 09/01/2016. Hợp đồng vay tiền và các giấy nhận nợ ghi rõ họ tên người cho vay là Trần Danh M, người ký vay là Nguyễn Tấn V, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ trả nợ, thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản phù hợp với Điều 471 Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005. Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2016 đến nay và đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn để bị đơn biết mà về giải quyết việc vay mượn giữa hai bên nhưng bị đơn vẫn không về. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính: Hợp đồng vay tiền ngày 07/8/2015 vay số tiền 600.000.000đ kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông V giao cho ông; các biên nhận nợ ngày 09/10/2015 vay 93.900.000đ; ngày 30/10/2015 vay 71.000.000đ; ngày 07/11/2015 vay 42.000.000đ; ngày 28/11/2015 vay 50.000.000đ; ngày 01/12/2015 vay 160.000.000đ và ngày 09/01/2016 vay 20.000.000đ các lần vay này ông V đều ký tên. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn không có mặt để trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông M cũng như không có ý kiến đối với chứng cứ là hợp đồng vay tiền; các biên nhận nợ mà Tòa án đã thông báo cho bị đơn về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ. Như vậy, ông V từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lời khai và chứng cứ là các bản chính các biên nhận nợ và hợp đồng vay tiền do ông V ký tên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Danh M đối với ông Nguyễn Tấn V.

Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V số H02111; thửa số 661; tờ bản đồ số 50; với diện tích 140m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp ngày 21/10/2005 mang tên Nguyễn Văn Hiệp (Bổ sung trang tư: xác nhận ngày 30/7/2015 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn V, CMND số 352426383, địa chỉ tại số: 34/A2 Sư Vạn Hạnh, khóm Bình Khánh 7, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; theo hồ sơ số 008704.CN.001 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh) mà ông M đã nhận của ông V do không có đăng ký giao dịch bảo đảm nên ông M đồng ý trả lại cho ông V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Xét đây là sự tự nguyện của ông M phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Hội dồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Do ông M là người cáo tuổi và đã có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận cho ông M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản

1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471; Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Danh M đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn V.

Buộc ông Nguyễn Tấn V phải trả cho ông Trần Danh M số tiền 1.036.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Danh M có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Tấn V bản chính: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02111; thửa số 661; tờ bản đồ số 50; với diện tích 140m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp ngày 21/10/2005 mang tên Nguyễn Văn Hiệp (Bổ sung trang tư: xác nhận ngày 30/7/2015 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn V, CMND số 352426383, địa chỉ tại số: 34/A2 Sư Vạn Hạnh, khóm Bình Khánh 7, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; theo hồ sơ số 008704.CN.001 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Tấn V phải phải nộp 45.476.000đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Do ông Trần Danh M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Danh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Tấn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Long Xuyên;
- THADS TP.Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu VP, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền